

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày 13/6/2025.

V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức San và ông Nguyễn Văn Tuyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Khánh L - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu T, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Hiện đang chấp hành án tại: Đ, Phân trại số C, Trại giam Y, Cục C, Bộ C1.

(Chị H, anh T đều đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2008 tại UBND xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh T vi phạm pháp luật 2 lần vì tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” phải đi chấp hành án phạt tù tại Phân trại số 3, trại giam

Yên Hạ nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 25/11/2009 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/5/2016. Hiện nay, cả 02 con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2, *Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2025 bị đơn anh Trần Văn T trình bày:* Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2008 tại UBND xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì anh phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” nên phải đi chấp hành hình phạt tù 20 năm tại Đ, Phân trại số C, trại giam Y1, Bộ C1 nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi anh đi chấp hành án, chị H cũng không đến thăm nom anh nữa, anh chị không quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 25/11/2009 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/5/2016. Hiện nay, cả 02 con chung đang ở cùng chị H. Khi ly hôn anh nhất trí giao cả 02 con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung do chị H tự nguyện không yêu cầu và anh đang đi chấp hành án nên không có khả năng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, *Nguyện vọng của cháu Trần Thị Ngọc L và cháu Trần Thị Quỳnh A:* Cháu L và cháu A đều có nguyện vọng xin được ở với chị H.

4, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã P ngày 23/5/2025 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị Lê Thị H và anh Trần Văn T có đăng ký kết hôn ngày 18/11/2008 tại UBND xã C (nay là xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì anh T phạm tội về “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” nên phải đi chấp hành án phạt tù 20 năm tại Đ, phân trại số C, Trại giam Y, anh chị cũng ly thân từ đó. Chị H, anh T có 02 con chung là Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 25/11/2009 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/5/2016. Hiện nay, cả 02 con chung đang ở với chị H tại thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị H xin ly hôn anh T quan điểm của địa phương là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 @iỒu 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Trần Văn T.

Về con chung: Giao cả 02 con chung chưa thành niên là Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 25/11/2009 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/5/2016 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh Trần Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh T có hộ khẩu thường trú tại khu T, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H, anh T đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã C (nay là UBND xã P), huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 18/11/2008. Chị H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh T xác nhận anh chị hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 7/2023 thì anh phạm tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi” nên phải đi chấp hành hình phạt tù 20 năm tại Đ, Phân trại số C, trại giam Y1, Bộ C1 nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Từ khi anh đi chấp hành án, chị H không đến thăm nom anh nữa, anh chị không quan tâm đến nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân chị H và anh T đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh T nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H, anh T đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 25/11/2009 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/5/2016. Hiện nay cả 02 con chung đang ở cùng chị H, khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Phía anh T nhất trí giao cả 02 con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung do chị H tự nguyện không yêu cầu. Nguyên vọng của cháu L và cháu A đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ. Xét yêu cầu của anh, chị về việc thỏa thuận giao con chung và thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của con chung nên đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung cần được chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H, anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên chị H có đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm

2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Trần Văn T.

[2]. Về con chung: Giao cả 02 con chung chưa thành niên là 02 con chung là Trần Thị Ngọc L, sinh ngày 25/11/2009 và Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 13/5/2016 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị H tự nguyện không yêu cầu. Anh Trần Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thị H tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005152 ngày 21/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt D

